

Bản án số: 111/2023/HS-ST.

Ngày: 18/12/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Tuyết Mai.**

Ông Nguyễn Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT tham gia phiên tòa: Ông **Võ Thanh Thoại** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

* **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1995, tại HG. Nơi cư trú: Ấp PT, xã ĐT, huyện CT, tỉnh HG. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: Lớp 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Họ và tên cha Nguyễn Văn C, mẹ là bà Nguyễn Thị T, vợ là Cao Hà T. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam vào ngày 30/4/2023 tại Nhà tạm giữ Công an quận CR, thành phố CT. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại: Trần Thị Liễu E**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 32/2B khu vực Yên T, phường LB, quận CR, thành phố CT. (Có đơn xin vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Trần Thị Thu N**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 196, khu vực Phú Q, phường TT, quận CR, thành phố CT. (Có đơn xin vắng mặt).

- Bà **Cao Hà T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp Đông L, xã Đông P, huyện CT, tỉnh HG. (Có mặt).

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp Phước T, xã Đông T, huyện CT, tỉnh HG. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng hơn 08 giờ ngày 28 tháng 4 năm 2023, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển số 95H1 - 645.28 đi từ Bệnh viện Đa khoa Trung ương CT hướng về tỉnh HG, lúc này H nảy sinh ý định tìm tài sản để cướp giật. H điều khiển xe đến đường dân sinh cặp chân cầu CR thuộc khu vực Thị T, phường LB, quận CR, thành phố CT thì phát hiện bà Trần Thị Liễu E đang đi bộ theo hướng ngược lại. H thấy trên cổ bà Liễu E có đeo sợi dây chuyền vàng loại 15K, trọng lượng 3,89 chỉ nên H đã áp sát, dùng tay trái giật mạnh làm đứt sợi dây chuyền và nhanh chóng tẩu thoát. Khi sợi dây chuyền bị đứt, làm rơi lại mặt dây chuyền trong tay áo của bà Liễu E. Sau đó, H đã mang sợi dây chuyền vừa giật được đến chợ Cái C, thuộc phường TT, quận CR, thành phố CT bán cho bà Trần Thị Thu N với giá 10.140.000 đồng (*Mười triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Đối với bà Liễu E, sau khi bị giật sợi dây chuyền đã đến Công an phường LB, quận CR, thành phố CT trình báo. Qua trích xuất camera, đã tiến hành mời H về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 15K, trọng lượng 3,17 chỉ; 01 (một) mặt dây chuyền hình tượng phật bằng đá màu xanh; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu trắng xanh, biển số 95H1 - 645.28; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) áo thun tay ngắn màu trắng sọc vàng; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu đỏ, hồng, đen; 01 (một) quần jean ngắn màu xanh; Tiền Việt Nam 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), (*Bút lục số 56, 57, 59*).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/TCKH-HĐĐG ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận CR, thành phố CT kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 15K, trọng lượng 3,17 chỉ, trị giá 10.638.520 đồng (*Mười triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi đồng*), (*Bút lục số 35 - 38*).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 80/TCKH-HĐĐG ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận CR, thành phố CT kết luận: 01 (một) mặt dây chuyền vàng có hình tượng phật bằng đá màu xanh, có tổng trọng lượng 2,12 chỉ, trọng lượng vàng không hột là 0,72 chỉ, vàng 15K, tuổi vàng 60%, không xác định được giá trị, chất liệu đá màu xanh, có giá 2.322.720 (*Hai triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi đồng*). (*Bút lục số 39 - 40*).

Tổng giá trị tài sản bị can H chiếm đoạt qua định giá là 12.961.240 đồng (*Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi đồng*).

Đối với bà Trần Thị Thu N, khi mua sợi dây chuyền từ H thì bà N không biết đây là tài sản do H phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý. Bà N yêu cầu H bồi thường số tiền 10.140.000 đồng (*Mười triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*). Ông Nguyễn Văn C (cha của H) đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bà N (bút lục số 103).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu trắng xanh, biển số 95H1 - 645.28, thuộc quyền sở hữu và là tài sản riêng của bà Cao Hà T (vợ của Hậu). Việc H sử dụng xe mô tô trên thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì bà T hoàn toàn không biết nên không có căn cứ để xử lý (bút lục số 104).

Về xử lý vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận CR, thành phố CT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Trần Thị Liễu E 01 (một) sợi dây chuyền vàng 15K, trọng lượng 3,17 chỉ và 01 (một) mặt dây chuyền hình tượng phật bằng đá màu xanh. Trả lại cho bà Cao Hà T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu trắng xanh, biển số 95H1 - 645.28 (bút lục số 15 - 19). Các vật chứng khác được nhập kho vật chứng của Công an quận CR, thành phố CT để xử lý theo quy định của pháp luật, (Bút lục số 22 - 24).

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Trần Thị Liễu E đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can H (bút lục số 125). Riêng ông Nguyễn Văn C yêu cầu H được nhận lại số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) do ông C đã hoàn trả tài sản cho bị hại nên số tiền này là của ông thì giao trả lại cho ông, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác (bút lục số 104A).

Tại cáo trạng số: 105/CT-VKS-CR ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT đã truy tố Nguyễn Văn H về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm đến 04 năm tù giam về tội cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi đại diện Viện kiểm sát công bố cáo trạng thì bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đối chiếu lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận điều tra của cơ quan điều tra, cáo trạng của Viện kiểm sát và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các chứng cứ có trong hồ sơ đủ để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo. Trong

suốt quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa cho thấy việc các bị cáo đã sử dụng xe mô tô làm phương tiện để chiếm đoạt tài sản của bị hại là 01 sợi dây chuyền vàng có mặt hình Phật trị giá là 12.961.240 đồng, thủ đoạn này là rất nguy hiểm. Cho nên, Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT đã truy tố bị cáo về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là hoàn toàn chính xác.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giữa nơi công cộng đồng người qua lại bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra và bất chấp cả sự trừng trị của pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác rất táo bạo và liều lĩnh. Do bị cáo sử dụng xe gắn máy thực hiện hành vi phạm tội, nên Viện kiểm sát nhân dân quận CR truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giúp bị cáo sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo lại mình trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần nhắc xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Ngoài ra, gia đình của bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị cáo để xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Liễu E và bà Trần Thị Thu N vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện bà E và bà N đã được nhận lại được tài sản, cũng không thắc mắc hay khiếu nại gì nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

Tuy nhiên, đối với số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) thu được từ việc bị cáo bán tài sản của bị hại, đáng lẽ phải khấu trừ vào số tiền ông C hoàn trả cho bà N để lấy lại tài sản mà bị cáo cướp của bị hại nhưng do ông Nguyễn Văn C đã giao đủ số tiền 10.140.000 đồng tại cơ quan điều tra cho bà N và bị hại cũng đã được nhận lại tài sản nên tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn C yêu cầu được nhận lại số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) vì

hoàn cảnh hiện nay của ông rất khó khăn. Xét thấy, tài sản này không có liên quan đến việc phạm tội và có chủ sở hữu xin được nhận lại nên theo quy định của pháp luật là phải trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, yêu cầu của ông C là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: (Quyết định chuyển vật chứng số 79 ngày 20/11/2023).

Tại phiên tòa, quá trình điều tra và bị cáo đều có yêu cầu được nhận lại 01 (một) nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) áo thun tay ngắn màu trắng, sọc vàng, 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc caro màu đỏ, hồng, đen và 01 (một) quần jean ngắn màu xanh để sử dụng vì bị cáo đang gặp khó khăn nên chưa có tiền mua sắm quần áo mới. Xét thấy, tài sản được thu giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số 50 ngày 28/7/2023 không phải là vật chứng và không có liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên phải trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực và ông C có đơn yêu cầu thi hành án.

Tại Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Trần Thị Liễu E 01 (một) sợi dây chuyền vàng 15K, trọng lượng 3,17 chỉ và 01 (một) mặt dây chuyền hình tượng phật bằng đá màu xanh. Trả lại cho bà Cao Hà T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu trắng xanh, biển số 95H1 - 645.28 (bút lục số 15 - 19). Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại tài sản đó là đúng quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tại phiên tòa không đưa ra xem xét lại.

Các vật chứng mà bà E và bà N đã được nhận lại ở giai đoạn điều tra, do không ai yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào điều 38, Điều 50, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn H 03 (Ba)** năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2023.

Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) áo thun tay ngắn màu trắng, sọc vàng, 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc caro màu đỏ, hồng, đen và 01 (một) quần jean ngắn màu xanh.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Trần Thị Liễu E 01 (một) sợi dây chuyền vàng 15K, trọng lượng 3,17 chỉ; 01 (một) mặt dây chuyền hình tượng phật bằng đá màu xanh; Trả lại cho bà Cao Hà T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu trắng xanh, biển số 95H1 - 645.28.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực và ông C có đơn yêu cầu thi hành án.

Bà E và bà N không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và giải quyết.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 50 ngày 28/7/2023 và Quyết định chuyển vật chứng số 79 ngày 20/11/2023).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Trại giam, Công an Q. CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Xuân